

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH T**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HS-ST
Ngày: 16 - 5 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hòa; Bà Trương Thị Hồng Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh T xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 32/2022/TLST-HS, ngày 15/4/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HS, ngày 27/4/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 01/01/1978, tại xã T1, huyện TT, tỉnh T.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã T1, huyện TT, tỉnh T.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: không biết chữ; con ông: Nguyễn Văn L - Đã chết;

Con bà: Vũ Thị C - Đã chết; Vợ: Bùi Thị H - Sinh năm: 1984; Bị cáo con 03 con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn C - sinh năm 1968,

Trú tại: thôn 2, xã T1, huyện TT, tỉnh T.

Có mặt tại phiên tòa.

* *Người làm chứng:* Bà Bùi Thị H - sinh năm 1984

Trú tại: thôn 2, xã T1, huyện TT, tỉnh T.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 18/01/2022, Nguyễn Văn T - sinh năm 1978, trú tại thôn 2, xã T1, huyện TT, tỉnh T, đến nhà ông Nguyễn Văn C (sinh năm 1968, trú cùng thôn), mục đích tìm kiếm đồ đạc có giá trị để trộm cắp. Khi vào nhà ông C, T phát hiện không có người ở nhà, cửa C đang khóa. T lục chiếc tủ ở hiên nhà, phát hiện 01 chiếc chìa khóa, T dùng chiếc chìa khóa này mở khóa cửa đi vào trong nhà; sau đó vào gian buồng, T quan sát chiếc tủ gỗ thấy có một bên cửa tủ khóa, nên đã giật mạnh làm bung khóa cánh cửa tủ, T thấy bên trong ngăn tủ này có một chiếc hộp sắt, mở hộp sắt thấy có 1 sấp tiền loại 500.000 đồng nên đã lấy toàn bộ số tiền này, rồi đóng cửa tủ lại ra ngoài khóa cửa, cất chìa khóa vào chỗ cũ và mang tiền đi khỏi nhà ông C. Tổng số tiền mà T lấy trộm của ông C là 9.500.000 đồng. T đã tiêu sài cá nhân hết 2.500.000 đồng, số tiền 7.000.000 đồng còn lại T chia làm 2 phần, một phần 4.000.000 đồng T giấu vào gấu áo của chiếc áo nỉ màu trắng, một phần 3.000.000 đồng T giấu vào gấu áo của chiếc áo gió màu xám, sau đó T treo cả 2 chiếc áo vào khu vực phơi quần áo của gia đình T.

Đến khoảng 06 giờ 30 phút sáng ngày 19/01/2022, con trai ông C là Nguyễn Đức C vào buồng định lấy tiền đi nộp tiền học, phát hiện tủ gỗ bị cạy phá và mất toàn bộ số tiền để trong hộp sắt nên đã gọi điện thoại báo với ông C. Khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, ông C về nhà, kiểm tra thấy bị mất toàn bộ số tiền 9.500.000 đồng trong hộp sắt cất ở tủ gỗ. Do nghi ngờ Nguyễn Văn T lấy trộm tiền của mình nên ông C đã gọi bà Bùi Thị H - sinh năm 1984, là vợ của T đến nhà và bảo bà H về nhà kiểm tra xem có phải T lấy tiền của ông C không. Chiều cùng ngày bà H lục tìm thấy tiền trong áo của T nên đã đưa cho ông C 2 lần tiền là 7.000.000 đồng. Khoảng 12 giờ ngày 20/01/2022 bà H đưa tiếp cho ông C 500.000 đồng là tiền của gia đình bà H; Ngày 21/01/2022 ông C đã đến công an xã T1 để trình báo vụ việc.

Ngày 15/4/2022 ông C đã nhận tiếp số tiền còn thiếu là 2.000.000 đồng do bị cáo T giao. Cùng ngày ông C đã viết đơn đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giảm hình phạt thấp nhất cho bị cáo T.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Về nguồn gốc số tiền bị mất, quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung của gia đình ông C (Số tiền 9.500.000 đồng là tiền của vợ và con gái ông C rút từ thẻ ATM về giao cho ông C quản lý, chi tiêu trong gia đình).

Kết quả điều tra, xác minh xác định bị cáo Nguyễn Văn T không có nghề nghiệp, thu nhập thấp, không có tài sản riêng, tài sản chung có giá trị nhỏ.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người bị hại là ông Nguyễn Văn C đã nhận lại toàn bộ số tiền 9.500.000 đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) bị T trộm cắp, nay ông C không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 36/CT - VKSTT ngày 01/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh T truy tố Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18(Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Nguyễn Văn C đã nhận đủ số tiền bị mất và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên đề nghị đồng xét xử không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là tiền cho bị cáo T.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phần tranh tụng: Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt để có cơ hội sửa chữa sai lầm.

Bị hại không có tranh luận gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên Cơ quan điều tra công an huyện TT và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TT trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với diễn biến, thời gian, địa điểm và số tiền T đã trộm cắp cùng với những tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Chiều ngày 18/01/2022, Nguyễn Văn T đến nhà ông Nguyễn Văn C đã lén lút trộm cắp của gia đình ông C số tiền là 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) đồng, chiều cùng ngày (vợ T) đã trả lại cho gia đình ông C 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), đến ngày 15/4/2022 bị cáo T đã trả cho ông C số tiền còn thiếu là 2.000.000 đ(hai triệu đồng), ông C đã viết giấy biên nhận đã nhận đủ số tiền bị Nguyễn Văn T trộm cắp. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi trộm cắp số tiền là 9.500.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây tâm lý hoang mang trong cộng đồng dân cư. Do đó cũng cần lên một mức

án phù hợp với quy định của pháp luật đối với bị cáo, nhằm giáo dục riêng bị cáo T cũng như phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, gia đình và bị cáo đã tự nguyện trả lại số tiền 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) cho bị hại; Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Bị cáo Nguyễn Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của C quyền và gia đình cũng đủ để cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh, bị cáo không có thu nhập đáng kể, không có tài sản có giá trị, nên miễn hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Nguyễn Văn C đã nhận đủ số tiền bị mất và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18(Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện TT, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điểm a khoản 1 điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại ông Nguyễn Văn C. Bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện TT;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện TT;
- Đội THAHS công an TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hòa

Bùi Văn Tuấn

Trương Thị Hồng Xuân